



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ | |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ | 1 - 2 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ | 3 - 4 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ | 5 - 6 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ | 7 - 44 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016


Ngàn VND


| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 7.956.452.313 | 7.453.359.435 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 245.133.516 | 238.067.919 |
| 111 | 1. Tiền | 4 | 179.217.516 | 238.067.919 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 65.916.000 | - |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 7.482.115.869 | 6.926.123.473 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 454.712.087 | 525.822.602 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 169.312.158 | 162.297.212 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7 | 4.982.642.336 | 4.652.017.152 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 1.875.926.806 | 1.586.464.025 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (477.518) | (477.518) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | | 144.231.774 | 206.104.818 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | 9 | 144.231.774 | 206.104.818 |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 84.971.154 | 83.063.225 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 1.881.405 | 383.900 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 893.761 | 483.337 |
| 155 | 3. Tài sản ngắn hạn khác | 10 | 82.195.988 | 82.195.988 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 19.630.507.534 | 20.235.507.840 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 8.059.058.646 | 8.373.822.112 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 7 | 7.729.597.866 | 8.066.041.332 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | 8 | 329.460.780 | 307.780.780 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 243.342.170 | 247.646.503 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 229.822.962 | 233.660.774 |
| 222 | Nguyên giá | | 318.793.380 | 321.148.576 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (88.970.418) | (87.487.802) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 13.519.208 | 13.985.729 |
| 228 | Nguyên giá | | 20.371.973 | 20.371.973 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (6.852.765) | (6.386.244) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 13 | 13.626.072 | 78.228.682 |
| 231 | 1. Nguyên giá | | 15.001.180 | 79.478.780 |
| 232 | 2. Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.375.108) | (1.250.098) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 49.124.932 | 47.619.968 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 49.124.932 | 47.619.968 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 11.250.885.724 | 11.474.502.144 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | 15.1 | 11.213.889.436 | 11.437.505.856 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | 15.2 | 5.000.000 | 5.000.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 15.3 | 31.996.288 | 31.996.288 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 14.469.990 | 13.688.431 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 16 | 13.003.413 | 13.688.431 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 1.466.577 | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 27.586.959.847 | 27.688.867.275 |


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

Ngàn VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 15.306.214.862 | 15.409.713.628 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 6.997.105.498 | 6.902.977.590 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 17 | 126.932.660 | 146.484.218 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 18 | 1.288.411.248 | 1.354.460.319 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 19 | 67.449.741 | 115.518.401 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 6.427.922 | 9.279.000 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 20 | 390.238.693 | 303.730.070 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 21 | 318.128.243 | 280.092.733 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 22 | 4.796.023.811 | 4.689.130.668 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 3.493.180 | 4.282.181 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 8.309.109.364 | 8.506.736.038 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 22 | 8.303.016.725 | 8.494.994.375 |
| 341 | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | - | 5.635.824 |
| 342 | 3. Dự phòng phải trả dài hạn | | 6.092.639 | 6.105.839 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 12.280.744.985 | 12.279.153.647 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 23.1 | 12.280.744.985 | 12.279.153.647 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 7.899.679.470 | 7.899.679.470 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 7.899.679.470 | 7.899.679.470 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 3.539.078.784 | 3.539.078.784 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (686.640) | (686.640) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 279.895.303 | 279.895.303 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 562.778.068 | 561.186.730 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 561.186.730 | 27.558.264 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 1.591.338 | 533.628.466 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 27.586.959.847 | 27.688.867.275 |


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 4 năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2016

| Mã số | | KHOẢN MỤC | Thuyết minh | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-------|--|--|-------------|---------------|---------------|------------------------------------|---------------|
| | | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 01 | | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 267.711.073 | 585.002.818 | 267.711.073 | 585.002.818 |
| 10 | | 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 267.711.073 | 585.002.818 | 267.711.073 | 585.002.818 |
| 11 | | 3. Giá vốn hàng bán | 25 | (217.560.108) | (349.478.170) | (217.560.108) | (349.478.170) |
| 20 | | 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 50.150.965 | 235.524.648 | 50.150.965 | 235.524.648 |
| 21 | | 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 24.2 | 331.102.352 | 251.173.521 | 331.102.352 | 251.173.521 |
| 22 | | 6. Chi phí tài chính | 26 | (348.664.003) | (279.473.936) | (348.664.003) | (279.473.936) |
| 23 | | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (311.068.872) | (278.895.530) | (311.068.872) | (278.895.530) |
| 25 | | 7. Chi phí bán hàng | 27 | (7.408.802) | (11.010.705) | (7.408.802) | (11.010.705) |
| 26 | | 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 28 | (18.946.512) | (24.072.506) | (18.946.512) | (24.072.506) |
| 30 | | 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 6.234.000 | 172.141.022 | 6.234.000 | 172.141.022 |
| 31 | | 10. Thu nhập khác | 29 | 675.529 | 158.326.030 | 675.529 | 158.326.030 |
| 32 | | 11. Chi phí khác | 29 | (804.125) | (1.734.722) | (804.125) | (1.734.722) |
| 40 | | 12. (Lỗ) lợi nhuận khác | 29 | (128.596) | 156.591.308 | (128.596) | 156.591.308 |

Ngàn VND

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

| Mã số | KHOẢN MỤC | Thuyết minh | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-------|---------------------------------------|-------------|--------------|--------------|------------------------------------|--------------|
| | | | Năm nay | | Năm trước | |
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 50 | 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 6.105.404 | 328.732.330 | 6.105.404 | 328.732.330 |
| 51 | 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 30 | (11.616.467) | (70.106.076) | (11.616.467) | (70.106.076) |
| 52 | 15. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 30 | 7.102.401 | - | 7.102.401 | - |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 1.591.338 | 258.626.254 | 1.591.338 | 258.626.254 |

Ngàn VND


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 29 tháng 4 năm 2016


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2016

Ngàn VND

| Mã số | KHOẢN MỤC | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-----------|--|-------------|------------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 6.105.404 | 328.732.330 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 11,12,13 | 4.891.343 | 4.742.084 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 4.660.537 | - |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (297.748.721) | (520.648.756) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 26 | 311.068.872 | 278.895.530 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 28.977.435 | 91.721.188 |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 72.731.682 | (291.341.118) |
| 10 | Giảm (tăng) hàng tồn kho | | 61.873.044 | (31.029.808) |
| 11 | (Giảm) tăng các khoản phải trả | | (85.212.262) | 784.464.159 |
| 12 | (Tăng) giảm chi phí trả trước | | (812.487) | 4.227.757 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (228.000.369) | (407.925.315) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 30 | (11.616.468) | (9.260.206) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (789.001) | (4.152.362) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh | | (162.848.426) | 136.704.295 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | | (20.572.386) | (3.799.238) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | | 116.538.167 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (254.494.548) | (1.414.640.745) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 310.252.673 | 244.830.617 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | | - | (309.203.217) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | | 55.122.820 | - |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 50.844.008 | 23.849.619 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 257.690.734 | (1.458.962.964) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

Ngàn VND

| Mã số | KHOẢN MỤC | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-----------|---|-------------|------------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 72.280.180 | 1.689.891.668 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | | (160.056.891) | (462.203.759) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính | | (87.776.711) | 1.227.687.909 |
| 50 | Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ | | 7.065.597 | (94.570.760) |
| 60 | Tiền đầu kỳ | 4 | 238.067.919 | 601.272.163 |
| 70 | Tiền cuối kỳ | 4 | 245.133.516 | 506.701.403 |



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ quý I năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Vườn cây lâu năm | 7 năm |
| Phần mềm vi tính | 8 năm |
| Tài sản khác | 6 năm |

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

| | |
|--------------------------|--------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 50 năm |
|--------------------------|--------|

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.19 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.20 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.20 Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.22 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

4. TIỀN

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|--------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> |
| Tiền gửi ngân hàng | 177.403.442 | 236.037.900 |
| Tiền mặt tại quỹ | 1.814.074 | 2.030.019 |
| TỔNG CỘNG | 179.217.516 | 238.067.919 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> |
| Phải thu hợp đồng xây dựng | 171.744.244 | 152.633.526 |
| Phải thu từ bán các khoản đầu tư | 158.847.705 | 177.074.164 |
| Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ | 106.442.103 | 126.224.057 |
| Phải thu tiền bán căn hộ | 17.342.963 | 17.495.216 |
| Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 335.072 | 52.395.639 |
| TỔNG CỘNG | 454.712.087 | 525.822.602 |

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 308.099.428 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (*Thuyết minh số 31*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> |
| Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 160.198.536 | 162.297.212 |
| Trả trước cho nhà thầu xây dựng | 9.113.622 | - |
| TỔNG CỘNG | 169.312.158 | 162.297.212 |

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 105.163.338 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (*Thuyết minh số 31*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | Ngàn VND | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Ngắn hạn | | |
| Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 4.922.279.205 | 4.652.017.152 |
| Trong đó: | | |
| Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i) | 2.860.085.936 | 2.860.085.936 |
| Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (ii) | 2.062.193.269 | 1.791.931.216 |
| Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác (iv) | 60.363.131 | - |
| | 4.982.642.336 | 4.652.017.152 |
| Dài hạn | | |
| Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 6.998.850.754 | 7.186.402.423 |
| Trong đó: | | |
| Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (ii) | 5.660.430.754 | 5.847.982.423 |
| Cho vay dài hạn Ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (iii) | 697.320.000 | 697.320.000 |
| Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i) | 641.100.000 | 641.100.000 |
| Phải thu cho vay dài hạn các công ty (iv) | 562.897.339 | 710.330.064 |
| Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (v) | 166.521.273 | 167.980.345 |
| Phải thu cho vay dài hạn nhân viên | 1.328.500 | 1.328.500 |
| | 7.729.597.866 | 8.066.041.332 |
| TỔNG CỘNG | 12.712.240.202 | 12.718.058.484 |

- (i) Đây là các khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi toàn bộ tài sản, cổ phần, vốn góp, cổ tức, lợi tức và các tài sản khác của Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sở hữu Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2015: 9,5%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND, có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 17 tháng 7 năm 2014) và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2015: 9,5%/năm).

Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, khoản vay từ hợp đồng 1 và khoản cho mượn được trình bày tại mục phải thu về cho vay ngắn hạn cho mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6%/năm đến 17%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (iii) Đây là khoản Công ty cho Chủ tịch Công ty Ông Đoàn Nguyên Đức, vay theo hợp đồng vay số 01/10/15HĐV_HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015, hoàn trả trong vòng 36 tháng và có lãi suất trong năm là 10%/năm.
- (iv) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay dài hạn tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6,5%/năm đến 15,73%/năm.
- (v) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cấu trúc với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

8. PHẢI THU KHÁC

| | Ngàn VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Ngắn hạn | | |
| Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>) | 1.757.595.284 | 1.483.481.563 |
| Phải thu lãi cho vay | 107.140.593 | 76.811.316 |
| Phải thu nhân viên | 4.481.284 | 4.725.529 |
| Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng | 153.478 | 188.889 |
| Các khoản khác | 6.556.167 | 21.256.728 |
| | 1.875.926.806 | 1.586.464.025 |
| Dài hạn | | |
| Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (<i>Thuyết minh số 31</i>) (i) | 328.946.100 | 307.266.100 |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 514.680 | 514.680 |
| | 329.460.780 | 307.780.780 |
| TỔNG CỘNG | 2.205.387.586 | 1.894.244.805 |

- (i) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> |
| Chi phí của các căn hộ đang xây để bán | 70.793.137 | 107.646.457 |
| Hàng hóa | 39.237.898 | 52.386.134 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 27.419.465 | 34.079.331 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Hợp đồng xây dựng</i> | 19.033.076 | 23.345.211 |
| <i>Hoạt động sản xuất</i> | 7.872.121 | 10.529.097 |
| <i>Dịch vụ cung cấp</i> | 514.268 | 205.023 |
| Thành phẩm | 5.268.702 | 7.771.786 |
| Vật liệu xây dựng | 1.272.507 | 3.885.058 |
| Nguyên vật liệu | 190.654 | 276.675 |
| Công cụ, dụng cụ | 49.411 | 59.377 |
| TỔNG CỘNG | 144.231.774 | 206.104.818 |

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo này nên Công ty chưa ghi giảm tài sản trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Vườn cây lâu năm | Tài sản khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------|--------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 238.796.794 | 42.966.964 | 29.279.099 | 3.308.219 | 6.689.440 | 108.060 | 321.148.576 |
| Mua sắm mới | - | - | 462.000 | - | - | - | 462.000 |
| Thanh lý trong kỳ | - | (2.527.341) | - | (289.855) | - | - | (2.817.196) |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | 238.796.794 | 40.439.623 | 29.741.099 | 3.018.364 | 6.689.440 | 108.060 | 318.793.380 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | (44.452.220) | (19.087.039) | (17.099.428) | (2.055.628) | (4.770.974) | (22.513) | (87.487.802) |
| Khấu hao trong kỳ | (1.993.968) | (1.159.835) | (789.095) | (112.604) | (239.808) | (4.502) | (4.299.812) |
| Thanh lý trong kỳ | - | 2.527.341 | - | 289.855 | - | - | 2.817.196 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | (46.446.188) | (17.719.533) | (17.888.523) | (1.878.377) | (5.010.782) | (27.015) | (88.970.418) |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 194.344.574 | 23.879.925 | 12.179.671 | 1.252.591 | 1.918.466 | 85.547 | 233.660.774 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | 192.350.606 | 22.720.090 | 11.852.576 | 1.139.987 | 1.678.658 | 81.045 | 229.822.962 |

Ngàn VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Ngàn VND | | |
|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm máy vi tính</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 5.200.000 | 15.171.973 | 20.371.973 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | 5.200.000 | 15.171.973 | 20.371.973 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | - | (6.386.244) | (6.386.244) |
| Khấu hao trong kỳ | - | (466.521) | (466.521) |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | - | (6.852.765) | (6.852.765) |
| Giá trị còn lại | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 5.200.000 | 8.785.729 | 13.985.729 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | 5.200.000 | 8.319.208 | 13.519.208 |

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Ngàn VND | | |
|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 64.477.600 | 15.001.180 | 79.478.780 |
| Thanh lý trong kỳ | (64.477.600) | - | (64.477.600) |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | - | 15.001.180 | 15.001.180 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | - | (1.250.098) | (1.250.098) |
| Khấu hao trong kỳ | - | (125.010) | (125.010) |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | - | (1.375.108) | (1.375.108) |
| Giá trị còn lại | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 64.477.600 | 13.751.082 | 78.228.682 |
| Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | - | 13.626.072 | 13.626.072 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> |
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 25.078.179 | 25.146.361 |
| Chi phí trồng cây cao su | 22.072.023 | 22.072.023 |
| Khác | 1.974.730 | 401.584 |
| TỔNG CỘNG | <u>49.124.932</u> | <u>47.619.968</u> |

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> |
| Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 15.1</i>) | 11.213.889.436 | 11.437.505.856 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 15.2</i>) | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 15.3</i>) | 31.996.288 | 31.996.288 |
| TỔNG CỘNG | <u>11.250.885.724</u> | <u>11.474.502.144</u> |

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

| Tên công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Tình trạng hoạt động | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | |
|---|--|----------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|
| | | | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc Ngàn VND | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc Ngàn VND |
| <i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i> | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò | Đang hoạt động | 70,45 | 5.224.484.938 | 79,52 | 5.443.421.358 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Bất động sản | Đang hoạt động | 85,75 | 3.253.537.647 | 85,75 | 3.253.537.647 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai | Năng lượng | Đang hoạt động | 95,58 | 2.532.179.575 | 95,58 | 2.532.179.575 |
| <i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i> | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL | Bệnh viện | Đang hoạt động | 99,00 | 99.000.000 | 99,00 | 99.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | CLB Bóng đá | Đang hoạt động | 51,00 | 59.000.000 | 51,00 | 59.000.000 |
| Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i) | Trồng cây cao su | Trước hoạt động | 80,00 | 26.930.800 | 80,00 | 26.930.800 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane (i) | Quản lý bất động sản và khách sạn | Trước hoạt động | 100,00 | 17.778.990 | 100,00 | 17.778.990 |
| Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai | Quản lý bất động sản và khách sạn | Đang hoạt động | 94,50 | 977.486 | 94,50 | 977.486 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai | Xây dựng | Đang hoạt động | - | - | 55,12 | 4.680.000 |
| TỔNG CỘNG | | | | 11.213.889.436 | | 11.437.505.856 |

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

| Tên công ty liên kết | Lĩnh vực kinh doanh | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | |
|--|---------------------|--------------------------|------------------|------------------|---------------------------|------------------|------------------|
| | | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc Ngân VND | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc Ngân VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Dịch vụ tư vấn | 500.000 | 25,00 | 5.000.000 | 500.000 | 25,00 | 5.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | | 5.000.000 | | | 5.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

| | Ngàn VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | 24.636.248 | 24.636.248 |
| Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên | 6.200.000 | 6.200.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông | 1.160.040 | 1.160.040 |
| TỔNG CỘNG | 31.996.288 | 31.996.288 |

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Ngàn VND | |
|-------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Tiền thuê đất trả trước | 9.898.354 | 9.966.210 |
| Chi phí bán căn hộ | 2.795.912 | 2.876.703 |
| Công cụ, dụng cụ | 295.618 | 827.852 |
| Các khoản khác | 13.529 | 17.666 |
| TỔNG CỘNG | 13.003.413 | 13.688.431 |

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Ngàn VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị và phát triển vườn cây | 67.316.194 | 76.807.994 |
| Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ | 58.616.466 | 68.676.224 |
| Các khoản khác | 1.000.000 | 1.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 126.932.660 | 146.484.218 |

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 99.114.995 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Ngàn VND | |
|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Khách hàng thương mại trả tiền trước | 694.576.481 | 732.239.032 |
| Khách hàng xây dựng trả tiền trước | 581.127.810 | 595.984.283 |
| Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước | 12.706.957 | 26.237.004 |
| TỔNG CỘNG | 1.288.411.248 | 1.354.460.319 |

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.264.688.149 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (*Thuyết minh số 31*).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Ngàn VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30</i>) | 65.185.052 | 65.185.053 |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.619.768 | 19.285.372 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 231.891 | 173.321 |
| Các khoản phải nộp khác | 413.030 | 30.874.655 |
| TỔNG CỘNG | 67.449.741 | 115.518.401 |

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Ngàn VND | |
|-------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Chi phí lãi vay | 384.012.507 | 300.833.079 |
| Chi phí hoạt động | 6.226.186 | 2.896.991 |
| TỔNG CỘNG | 390.238.693 | 303.730.070 |

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Ngàn VND | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>) | 230.667.913 | 195.906.801 |
| Các khoản khác | 87.460.330 | 84.185.932 |
| TỔNG CỘNG | 318.128.243 | 280.092.733 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

22. VAY

| | Ngàn VND | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Vay ngắn hạn | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1) | 992.163.518 | 1.052.926.625 |
| Trái phiếu chuyển đổi | 1.100.000.000 | 1.100.000.000 |
| Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2) | 2.703.860.293 | 2.503.860.293 |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | - | 32.343.750 |
| | 4.796.023.811 | 4.689.130.668 |
| Vay dài hạn | | |
| Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 22.2) | 8.303.016.725 | 8.494.994.375 |
| | 8.303.016.725 | 8.494.994.375 |
| TỔNG CỘNG | 13.099.040.536 | 13.184.125.043 |

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

| | Ngàn VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") | 599.542.394 | 603.011.957 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank") | 392.621.124 | 449.914.668 |
| TỔNG CỘNG | 992.163.518 | 1.052.926.625 |

22.2 Trái phiếu phát hành

| | Ngàn VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 3 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh 22.2.1) | 9.876.877.018 | 9.868.854.668 |
| Trái phiếu hoán đổi | 1.130.000.000 | 1.130.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 11.006.877.018 | 10.998.854.668 |
| Trong đó: | | |
| Trái phiếu đến hạn trả | 2.703.860.293 | 2.503.860.293 |
| Trái phiếu dài hạn | 8.303.016.725 | 8.494.994.375 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

22.2.1 Trái phiếu thường trong nước

Trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

| <i>Tổ chức thu xếp phát hành</i> | <i>Ngày phát hành</i> | <i>Số tiền</i> <i>Ngàn VND</i> | <i>Ngày đáo hạn</i> |
|--|---------------------------|-----------------------------------|--|
| Công ty TNHH Chứng khoán ACB | Ngày 25 tháng 4 năm 2012 | 1.760.365.319 | Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017 |
| BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") | Ngày 17 tháng 8 năm 2015 | 850.000.000 | Ngày 17 tháng 8 năm 2020 |
| BIDV và BSC | Ngày 9 tháng 7 năm 2013 | 950.000.000 | Ngày 9 tháng 7 năm 2016 |
| BIDV và BSC | Ngày 28 tháng 3 năm 2014 | 1.000.000.000 | Ngày 28 tháng 3 năm 2019 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia | Ngày 1 tháng 4 năm 2014 | 650.000.000 | Ngày 1 tháng 4 năm 2019 |
| Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng | Ngày 28 tháng 11 năm 2014 | 1.000.000.000 | Ngày 28 tháng 11 năm 2017 |
| BIDV và BSC | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 |
| BIDV và BSC | Ngày 23 tháng 7 năm 2015 | 2.150.000.000 | Ngày 23 tháng 7 năm 2020 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | Ngày 27 tháng 8 năm 2015 | 600.000.000 | Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | | <u>(83.488.301)</u> | |
| TỔNG CỘNG | | <u>9.876.877.018</u> | |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Trái phiếu đến hạn trả</i> | | 1.573.860.293 | |
| <i>Trái phiếu dài hạn</i> | | 8.303.016.725 | |

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--|----------------------|-------------------------|------------------|--------------------------|---|-----------------------|
| Quý I năm 2015 | | | | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | 249.756.283 | 27.558.264 | 11.715.386.161 |
| Lợi nhuận sau thuế trong kỳ | - | - | - | - | 258.626.254 | 258.626.254 |
| Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký | - | - | - | - | (176.400) | (176.400) |
| Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2015 | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | 249.756.283 | 286.008.118 | 11.973.836.015 |

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------------|------------------|--------------------------|---|-----------------------|
| Quý I năm 2016 | | | | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | 279.895.303 | 561.186.730 | 12.279.153.647 |
| Lợi nhuận sau thuế trong kỳ | - | - | - | - | 1.591.338 | 1.591.338 |
| Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2016 | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | 279.895.303 | 562.778.068 | 12.280.744.985 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

| | <i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016 Cổ phiếu</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Cổ phiếu</i> |
|--|--|---|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 789.967.947 | 789.967.947 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 789.967.947 | 789.967.947 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>789.967.947</i> | <i>789.967.947</i> |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | 68.664 | 68.664 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>68.664</i> | <i>68.664</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 789.899.283 | 789.899.283 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>789.899.283</i> | <i>789.899.283</i> |

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Quý I | | | Ngàn VND | | |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|--|--------------------|--------------------|--|
| | Năm nay | Năm trước | | Năm nay | Năm trước | |
| Doanh thu thuần | 267.711.073 | 585.002.818 | | 267.711.073 | 585.002.818 | |
| Trong đó: | | | | | | |
| Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa | 103.377.896 | 175.567.961 | | 103.377.896 | 175.567.961 | |
| Doanh thu bán bất động sản đầu tư | 64.477.600 | 199.947.636 | | 64.477.600 | 199.947.636 | |
| Doanh thu căn hộ | 47.043.071 | 17.836.398 | | 47.043.071 | 17.836.398 | |
| Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng | 44.334.579 | 173.440.282 | | 44.334.579 | 173.440.282 | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 8.477.927 | 18.210.541 | | 8.477.927 | 18.210.541 | |

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Quý I | | | Ngàn VND | | |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|--|--------------------|--------------------|--|
| | Năm nay | Năm trước | | Năm nay | Năm trước | |
| Lãi cho vay | 329.943.206 | 241.554.725 | | 329.943.206 | 241.554.725 | |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 772.696 | 3.977.632 | | 772.696 | 3.977.632 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 386.450 | 5.041.164 | | 386.450 | 5.041.164 | |
| Cổ tức nhận được | - | 600.000 | | - | 600.000 | |
| TỔNG CỘNG | 331.102.352 | 251.173.521 | | 331.102.352 | 251.173.521 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Quý I | | Ngân VND | |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|---|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| | | | <i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i> | |
| Giá vốn sản phẩm, hàng hóa | 85.104.758 | 147.593.648 | 85.104.758 | 147.593.648 |
| Giá vốn bất động sản đầu tư | 64.867.426 | 81.183.514 | 64.867.426 | 81.183.514 |
| Giá vốn căn hộ | 36.853.320 | 13.800.079 | 36.853.320 | 13.800.079 |
| Giá vốn của các hợp đồng xây dựng | 26.017.640 | 93.471.423 | 26.017.640 | 93.471.423 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 4.716.964 | 13.429.506 | 4.716.964 | 13.429.506 |
| TỔNG CỘNG | 217.560.108 | 349.478.170 | 217.560.108 | 349.478.170 |

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Quý I | | Ngân VND | |
|------------------------------|--------------------|--------------------|---|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| | | | <i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i> | |
| Chi phí lãi vay | 311.068.872 | 278.895.530 | 311.068.872 | 278.895.530 |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư | 32.577.355 | - | 32.577.355 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 5.017.776 | 571.914 | 5.017.776 | 571.914 |
| Các khoản khác | - | 6.492 | - | 6.492 |
| TỔNG CỘNG | 348.664.003 | 279.473.936 | 348.664.003 | 279.473.936 |

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Quý I | | | Ngân VND | | |
|---|------------------|-------------------|------------------|---------------------------------------|-------------------|-----------|
| | Năm nay | | Năm trước | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | | Năm trước |
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm nay | Năm trước | |
| Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài | 5.606.887 | 8.228.410 | 5.606.887 | 5.606.887 | 8.228.410 | |
| Chi phí lương nhân viên | 524.974 | 689.315 | 524.974 | 524.974 | 689.315 | |
| Các khoản khác | 1.276.941 | 2.092.980 | 1.276.941 | 1.276.941 | 2.092.980 | |
| TỔNG CỘNG | 7.408.802 | 11.010.705 | 7.408.802 | 7.408.802 | 11.010.705 | |

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Quý I | | | Ngân VND | | |
|---------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------------------------------------|-------------------|-----------|
| | Năm nay | | Năm trước | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | | Năm trước |
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm nay | Năm trước | |
| Chi phí lương nhân viên | 11.541.605 | 15.123.505 | 11.541.605 | 11.541.605 | 15.123.505 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.442.000 | 2.907.001 | 2.442.000 | 2.442.000 | 2.907.001 | |
| Chi phí khấu hao | 2.155.887 | 2.061.411 | 2.155.887 | 2.155.887 | 2.061.411 | |
| Các khoản khác | 2.807.020 | 3.980.589 | 2.807.020 | 2.807.020 | 3.980.589 | |
| TỔNG CỘNG | 18.946.512 | 24.072.506 | 18.946.512 | 18.946.512 | 24.072.506 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---------------------------------|------------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| | Ngàn VND | | | |
| Thu nhập khác | 675.529 | 158.326.030 | 675.529 | 158.326.030 |
| Các khoản khác | 675.529 | 2.573.753 | 675.529 | 2.573.753 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | - | 155.752.277 | - | 155.752.277 |
| Chi phí khác | 804.125 | 1.734.722 | 804.125 | 1.734.722 |
| Tiền phạt chậm nộp thuế | 114.533 | - | 114.533 | - |
| Khấu hao tài sản ngưng sử dụng | 239.808 | 239.809 | 239.808 | 239.809 |
| Các khoản khác | 449.784 | 1.494.913 | 449.784 | 1.494.913 |
| (LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC | (128.596) | 156.591.308 | (128.596) | 156.591.308 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

| | Ngàn VND | |
|----------------------------|------------------|-------------------|
| | Quý I năm 2016 | Quý I năm 2015 |
| Thuế TNDN hiện hành | 11.616.467 | 70.106.076 |
| Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | (7.102.401) | - |
| TỔNG CỘNG | 4.514.066 | 70.106.076 |

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

| | Ngàn VND | |
|---|-------------------|--------------------|
| | Quý I năm 2016 | Quý I năm 2015 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.105.404 | 328.732.330 |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ | 1.042.672 | 2.074.154 |
| Các khoản phạt | 376.953 | - |
| Thu nhập cổ tức | - | (600.000) |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | (4.668.163) | (11.542.496) |
| Lợi nhuận chịu thuế ước tính | 2.856.866 | 318.663.988 |
| Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ | - | 70.106.076 |
| Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản | 5.919.916 | - |
| Điều chỉnh trích bổ sung thuế TNDN kỳ trước | 5.696.551 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ | 11.616.467 | 70.106.076 |
| Thuế TNDN phải trả đầu kỳ | 65.185.053 | 17.447.084 |
| Thuế TNDN đã trả trong kỳ | (11.616.468) | (9.260.206) |
| Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 19) | 65.185.052 | 78.292.954 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

| | | | <i>Ngàn VND</i> |
|---|----------------|--|-----------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số tiền</i> |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ | 35.641.046 |
| | | Lãi cho vay | 33.790.117 |
| | | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 19.063.811 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Bên liên quan | Lãi cho vay | 81.675.701 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 54.682.005 |
| | | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 41.133 |
| | | Mua hàng hóa, dịch vụ | 4.940 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 39.306.366 |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 16.339.050 |
| | | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 7.541.650 |
| | | Doanh thu bán hàng hóa | 41.981 |
| | | Chi phí khác | 39.000 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | Lãi cho vay | 17.626.700 |
| Công ty TNHH Daun Pênh Agrico | Công ty con | Doanh thu bán hàng hóa | 15.425.251 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ | 10.865.845 |
| | | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 1.559.011 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Lãi cho vay | 11.435.035 |
| | | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 81.020 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Doanh thu bán hàng hóa | 10.376.922 |
| | | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 52.274 |
| Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat | Công ty con | Doanh thu bán hàng hóa | 9.003.451 |
| Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 25.815.163 |
| | | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.705 |
| Công ty Cổ phần An Đông Mía | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 7.456.944 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|--|----------------|--|----------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số tiền</i> |
| Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Doanh thu bán hàng hóa | 7.228.326 |
| Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh | Bên liên quan | Lãi cho vay | 7.166.250 |
| Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 6.953.654 |
| | | Doanh thu bán hàng hóa | 620.894 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 5.493.675 |
| | | Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ | 564.805 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 4.177.395 |
| | | Doanh thu bán hàng hóa | 251.157 |
| | | Doanh thu hợp đồng xây dựng | 198.741 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn | Bên liên quan | Lãi cho vay | 1.967.549 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas | Công ty con | Doanh thu bán hàng hóa | 1.660.246 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Công ty con | Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay | 7.306.308 |
| | | Mua dịch vụ | 444.251 |
| | | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 26.130 |
| Các bên liên quan khác | Bên liên quan | Các khoản khác | 651.081 |

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

| | | | Ngàn VND |
|--|----------------|--------------------------------|--------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số dư</i> |
| Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu chuyển nhượng cổ phần | 143.847.705 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Phải thu hợp đồng xây dựng | 42.513.058 |
| | | Phải thu cung cấp dịch vụ | 407.223 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|---|----------------|----------------------------------|--------------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số dư</i> |
| <i>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) (tiếp theo)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Phải thu hợp đồng xây dựng | 37.078.204 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas | Công ty con | Bán hàng hóa | 28.466.318 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 13.471.034 |
| | | Phải thu hợp đồng xây dựng | 2.016.819 |
| Công ty TNHH Daun Pênh Agrico | Công ty con | Bán hàng hóa | 9.823.458 |
| Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Bán hàng hóa | 6.531.758 |
| | | Phải thu hợp đồng xây dựng | 2.691.319 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu hợp đồng xây dựng | 5.854.647 |
| Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat | Công ty con | Bán hàng hóa | 4.336.367 |
| Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Bán hàng hóa | 3.874.969 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Bán hàng hóa | 3.223.083 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc | Công ty con | Phải thu hợp đồng xây dựng | 939.615 |
| | | Bán hàng hóa | 80.274 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 999.638 |
| | | Phải thu hợp đồng xây dựng | 90.079 |
| Các bên liên quan khác | Bên liên quan | Các khoản khác | 1.853.860 |
| TỔNG CỘNG | | | 308.099.428 |
| <i>Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 6)</i> | | | |
| Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Ứng trước mua hàng hoá | 99.063.338 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Ứng trước mua hàng hoá | 4.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Ứng trước cho dịch vụ quảng cáo | 2.100.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 105.163.338 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|---|----------------|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số dư</i> |
| <i>Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Bên liên quan | Phải thu cho vay ngắn hạn | 2.860.085.936 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu cho vay ngắn hạn | 986.397.303 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Phải thu cho vay ngắn hạn | 500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Phải thu cho vay ngắn hạn | 373.173.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Công ty con | Phải thu cho vay ngắn hạn | 141.482.579 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn | Bên liên quan | Phải thu cho vay ngắn hạn | 54.140.387 |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Phải thu cho vay ngắn hạn | 5.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk | Công ty con | Phải thu cho vay ngắn hạn | 2.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>4.922.279.205</u> |
| <i>Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Phải thu cho vay dài hạn | 1.277.553.955 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 860.088.500 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 830.376.353 |
| Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 809.622.738 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | Phải thu cho vay dài hạn | 697.320.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Bên liên quan | Phải thu cho vay dài hạn | 641.100.000 |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 600.000.000 |
| Công ty Cổ phần An Đông Mía | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 295.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 263.030.698 |
| Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh | Bên liên quan | Phải thu cho vay dài hạn | 221.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 207.143.253 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|---|----------------|--------------------------|-----------------------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số dư</i> |
| Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo) | | | |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Bên liên quan | Phải thu cho vay dài hạn | 116.568.196 |
| Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 53.092.286 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 40.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 24.682.417 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 18.803.976 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Bên liên quan | Phải thu cho vay dài hạn | 14.651.980 |
| Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 10.527.317 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 10.390.047 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 7.391.833 |
| Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông | Công ty con | Phải thu cho vay dài hạn | 507.205 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>6.998.850.754</u> |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Bên liên quan | Phải thu tiền lãi vay | 632.707.439 |
| Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Chi phí trả hộ | 217.991.493 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay | 137.388.364 |
| | | Chi phí trả hộ | 292.289 |
| Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay | 144.166.203 |
| | | Chi phí trả hộ | 1.658.574 |
| Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh | Bên liên quan | Phải thu tiền lãi vay | 120.395.625 |
| | | Chi phí trả hộ | 2.440.389 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Chi phí trả hộ | 120.249.367 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay | 108.671.776 |
| | | Chi phí trả hộ | 1.457.388 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|--|-------------------|---|-----------------------------|
| Các bên liên quan | Quan hệ | Giao dịch | Số dư |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo) | | | |
| Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Chi phí trả hộ | 60.764.216 |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay Khác | 34.783.110 42.400 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | Phải thu tiền lãi vay | 32.174.878 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ | 25.220.502 2.457.144 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Phải thu tiền lãi vay | 22.995.729 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Phải thu tiền lãi vay | 21.989.272 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông | Bên liên quan | Chi phí trả hộ | 12.624.059 |
| Công ty Cổ phần An Đông Mía | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay | 11.544.444 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay | 10.328.952 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Công ty con | Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ | 12.984.085 591.949 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Chi phí trả hộ | 4.614.976 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn | Bên liên quan | Phải thu tiền lãi vay | 4.460.317 |
| Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat | Công ty con | Chi phí trả hộ | 4.103.303 |
| Công ty TNHH Daun Pênh Agrico | Công ty con | Chi phí trả hộ | 2.674.301 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav | Công ty con | Chi phí trả hộ | 2.268.339 |
| Ông Phan Thanh Thủ | Thành viên HĐQT | Tạm ứng cho nhân viên | 1.600.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Bên liên quan | Phải thu tiền lãi vay | 1.147.078 |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng giám đốc | Tạm ứng cho nhân viên | 550.125 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane | Công ty con | Chi phí trả hộ | 257.198 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>1.757.595.284</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|---|----------------|--------------------------------------|-------------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số dư</i> |
| <i>Các khoản phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần An Đông Mía | Công ty con | Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh | 328.946.100 |
| <i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Phải trả phát triển vườn cây | 61.057.200 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Mua hàng hóa và dịch vụ | 9.733.020 |
| | | Phải trả phát triển vườn cây | 6.258.994 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Mua hàng hóa và dịch vụ | 11.065.781 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Mua hàng hóa | 9.021.309 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Công ty con | Mua dịch vụ | 1.150.493 |
| Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Mua hàng hóa | 807.943 |
| Các bên liên quan khác | Bên liên quan | Các khoản khác | 20.255 |
| TỔNG CỘNG | | | 99.114.995 |
| <i>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Ứng trước hợp đồng xây dựng | 306.020.992 |
| | | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 47.337.022 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Bên liên quan | Ứng trước hợp đồng xây dựng | 245.789.873 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 140.157.988 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 136.474.844 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 121.959.384 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 98.159.761 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 51.003.115 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|--|----------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số dư</i> |
| Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18) (tiếp theo) | | | |
| Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 35.619.991 |
| Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Ứng trước hợp đồng xây dựng | 29.316.945 |
| | | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 3.653.643 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 26.647.413 |
| Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 17.293.889 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Ứng trước tiền mua hàng hóa | 5.253.289 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>1.264.688.149</u> |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21) | | | |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên | Bên liên quan | Cho mượn tạm | 123.120.360 |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh | Thư ký HĐQT | Chi hộ | 28.311.111 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane | Công ty con | Chi hộ | 22.769.750 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Chi hộ | 13.320.600 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Công ty con | Chi hộ | 11.786.059 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông | Bên liên quan | Chi hộ | 6.450.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Chi hộ | 6.051.722 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Chi hộ | 3.808.366 |
| Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) | Công ty con | Chi hộ | 3.323.700 |
| Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Chi hộ | 3.183.439 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Chi hộ | 2.065.085 |
| Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum | Công ty con | Chi hộ | 2.402.766 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2016

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

| | | | Ngàn VND |
|---|---------------|----------------|---------------------------|
| Các bên liên quan | Quan hệ | Giao dịch | Số dư |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21) (tiếp theo) | | | |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk | Công ty con | Chi hộ | 1.825.937 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Chi hộ | 1.011.164 |
| Các bên liên quan khác | Bên liên quan | Các khoản khác | 1.237.854 |
| TỔNG CỘNG | | | <u>230.667.913</u> |

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2016